

LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT: CƠ SỞ LÝ LUẬN, QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN VÀ THỰC TIỄN VIỆT NAM

● LÊ PHƯƠNG THẢO

Thạc sỹ - Khoa Lý luận Chính trị - Luật
Trường Đại học Hồng Đức, tỉnh Thanh Hóa
DOI: <https://doi.org/10.62831/202526048>

TÓM TẮT:

Bài viết nhấn mạnh Lý luận về Nhà nước và pháp luật là ngành khoa học cơ bản, có vai trò nền tảng trong hệ thống pháp lý. Trên cơ sở phân tích khái niệm, đối tượng, phương pháp, nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của Nhà nước và pháp luật, nghiên cứu liên hệ tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1945 đến nay, làm rõ thành tựu và thách thức trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp và bảo đảm quyền con người. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện lý luận và thể chế trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

Từ khóa: Lý luận Nhà nước và pháp luật, Nhà nước pháp quyền, chủ nghĩa thực chứng pháp lý, pháp luật tự nhiên, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống khoa học pháp lý, Lý luận Nhà nước và pháp luật được coi là “khoa học của các khoa học pháp lý” bởi nó xây dựng ngôn ngữ khái niệm, hệ trục tư duy và phương pháp luận làm nền cho luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật dân sự và các lĩnh vực chuyên ngành khác (Nguyễn Đăng Dung, 2018; Võ Khánh Vinh, 2012). Các khái niệm như Nhà nước là gì, pháp luật là gì, vì sao chúng xuất hiện, vận động theo những quy luật nào, có quan hệ ra sao với các điều kiện kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, văn hóa - đạo đức, không chỉ mang giá trị lý thuyết còn định hướng trực tiếp cho chính sách và thực tiễn quản trị. Ở Việt Nam, kể từ công cuộc Đổi mới năm 1986, mục tiêu xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được xác định như một định hướng chiến lược đòi hỏi sự phát triển đồng bộ của tư duy lý luận và việc hoàn thiện thể chế. Hiến pháp năm 2013 đánh dấu một bước tiến khi hiến định quyền con người, quyền công dân, nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước, đồng thời đề cao tính tối cao của Hiến pháp trong trật tự pháp lý.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập sâu rộng và chuyển dịch mô hình phát triển hướng tới bền vững, nghiên cứu Lý luận Nhà nước và pháp luật càng có ý nghĩa cấp bách nhằm tạo nền tảng cho lập pháp dựa trên bằng chứng, tư pháp liêm chính, hành chính công khai - minh bạch và văn hóa tuân thủ pháp luật của xã hội.

2. Cơ sở lý luận

Lý luận Nhà nước và pháp luật, hay còn gọi là Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, là ngành khoa học nghiên cứu những quy luật chung nhất chi phối sự ra đời, bản chất, hình thức, chức năng, vai trò xã hội và sự vận động của Nhà nước và pháp luật, cùng với mối quan hệ biện chứng giữa chúng trong hệ thống quyền lực chính trị và đời sống xã hội (Võ Khánh Vinh, 2012). Đối tượng nghiên cứu của ngành tập trung vào những vấn đề nền tảng của hệ thống pháp lý, bao gồm bản chất và vai trò của Nhà nước, tính quy phạm phổ biến của pháp luật, vị trí tối thượng của Hiến pháp, nguyên tắc pháp quyền, quyền con người và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Về phương pháp, ngành sử dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau như duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để lý giải mối liên hệ giữa cơ sở hạ tầng kinh tế và kiến trúc thượng tầng pháp lý - chính trị; phương pháp logic - lịch sử để tái hiện sự phát triển của các mô hình nhà nước và hệ thống pháp luật; phương pháp so sánh luật học để đối chiếu kinh nghiệm các quốc gia; phương pháp phân tích tổng hợp khái niệm để xây dựng hệ khái niệm nội tại; kết hợp tiếp cận liên ngành từ chính trị học, xã hội học, kinh tế học, triết học đến khoa học dữ liệu để giải quyết những vấn đề phức tạp đương đại.

Nhà nước và pháp luật hình thành ở một trình độ phát triển xã hội nhất định. Chúng ra đời nhằm giải quyết mâu thuẫn giai cấp và đáp ứng nhu cầu quản lý, duy trì trật tự trong xã hội. Khi phân công lao động phát triển, của cải dư thừa xuất hiện, xã hội phân hóa giai cấp và mâu thuẫn lợi ích trở nên không thể tự điều hòa, Nhà nước ra đời như một tổ chức quyền lực công nhằm duy trì trật tự, bảo vệ lợi ích căn bản của giai tầng cầm quyền và quản trị các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội. Pháp luật trong bối cảnh đó được xem là công cụ thể chế hóa ý chí của Nhà nước thành các quy phạm mang tính bắt buộc chung (Mác & Ăngghen, 1960). Tuy nhiên, cách nhìn hiện đại mở rộng luận điểm này theo hướng công nhận hai phương diện đồng thời của Nhà nước và pháp luật:

một mặt, chúng phản ánh yếu tố giai cấp (power), mặt khác, chúng mang phương diện xã hội - công (public) thể hiện trách nhiệm bảo vệ công lý, quyền con người và lợi ích chung (Fuller, 1964; Raz, 1977). Bản chất của Nhà nước hiện đại được nhận diện thông qua tính quyền lực công, tính lãnh thổ, tính chủ quyền, tính pháp quyền và tính phục vụ, trong khi bản chất của pháp luật được thể hiện qua tính quy phạm, tính phổ biến, tính xác định và khả năng dự báo, tính cưỡng chế nhà nước và tính giá trị gắn liền với công bằng và hợp lý

Chức năng cơ bản của Nhà nước bao gồm việc tổ chức và duy trì trật tự, bảo vệ đất nước và thực hiện quan hệ đối ngoại, kiến tạo sự phát triển kinh tế - xã hội, cung ứng dịch vụ công và bảo đảm an sinh xã hội, đồng thời thực thi công lý. Pháp luật thực hiện ba chức năng cơ bản: điều chỉnh quan hệ xã hội theo chuẩn mực hành vi; xác lập và phân bổ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các chủ thể; đồng thời bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và xây dựng khung pháp lý dự báo cho đời sống xã hội.

Mối quan hệ Nhà nước - pháp luật mang tính hai chiều, một mặt, pháp luật là công cụ để Nhà nước tổ chức quyền lực, quản lý xã hội và cung ứng dịch vụ công, mặt khác pháp luật lại xác lập giới hạn, ràng buộc cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước. Những cơ chế này thể hiện qua tính tối cao của Hiến pháp, nguyên tắc hợp hiến - hợp pháp, phân công - phối hợp - kiểm soát quyền lực, xét xử độc lập, giải thích pháp luật và trách nhiệm giải trình. Fuller (1964) khẳng định, các tiêu chuẩn quy phạm như công khai, rõ ràng, ổn định, khả thi, nhất quán và không hồi tố bất lợi là điều kiện cốt lõi để pháp luật định hướng hành vi, hạn chế lạm quyền và củng cố niềm tin xã hội.

3. Các quan điểm tiếp cận về Nhà nước và pháp luật

Trong lịch sử tư tưởng pháp lý, nhiều trường phái đã hình thành để lý giải bản chất và vai trò của Nhà nước, cũng như pháp luật. Quan điểm Mác - Lênin nhấn mạnh nguồn gốc kinh tế - xã hội và tính giai cấp của Nhà nước, coi đó là công

cụ để giai cấp thống trị duy trì trật tự phù hợp với lợi ích căn bản của mình. Tuy nhiên, ngay trong khuôn khổ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Nhà nước vẫn được nhìn nhận ở phương diện xã hội rộng hơn, như một tổ chức quản trị chung, điều hòa lợi ích và phục vụ lợi ích công cộng. Sự trùng hợp đó cho thấy Nhà nước hiện đại vừa cần quyền lực đủ mạnh để thực thi pháp luật, vừa phải bị ràng buộc bởi pháp luật và cơ chế kiểm soát quyền lực nhằm bảo đảm công lý.

Bên cạnh đó, trường phái pháp luật tự nhiên khẳng định sự tồn tại của các chuẩn mực đạo đức - pháp luật có trước và cao hơn luật hiện hành, đặt nền tảng cho khái niệm quyền tự nhiên của con người về bình đẳng, tự do, sở hữu và kế ước xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, di sản của trường phái này vẫn hiện diện đậm nét trong các thiết chế bảo vệ quyền con người như nguyên tắc cân xứng, cấm phân biệt đối xử, học thuyết công bằng tố tụng, các cơ chế kiểm tra tính hợp hiến của đạo luật.

Trái lại, chủ nghĩa thực chứng pháp lý, tiêu biểu ở Kelsen, cho rằng, pháp luật là hệ thống quy tắc hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền ban hành, tồn tại độc lập với các chuẩn mực đạo đức, trong đó, hiến pháp được coi là quy tắc cao nhất làm nền tảng, từ đó các luật, nghị định và văn bản dưới luật lần lượt sắp xếp theo thứ bậc hiệu lực. Cách tiếp cận này cung cấp công cụ mạnh mẽ để phân tích hiệu lực, thẩm quyền và tính hợp lệ của văn bản, song cũng bộc lộ hạn chế khi tách rời pháp luật khỏi công lý nếu thiếu một nền tảng giá trị định hướng. Hart bổ sung khía cạnh xã hội của pháp luật qua “quy tắc thừa nhận”, “quy tắc thay đổi” và “quy tắc xét xử” để lý giải sự vận hành của hệ thống pháp luật.

Trong khi đó, thuyết diễn giải pháp luật nhấn mạnh việc áp dụng luật không chỉ là đọc đúng từng điều khoản, mà cần vận dụng lý trí, dựa vào tiền lệ, nguyên tắc và giá trị để tìm ra ý nghĩa đúng của luật. Dworkin nổi tiếng với quan điểm “pháp luật liên chính”, theo đó thẩm phán phải giải thích luật theo cách khiến toàn bộ hệ thống trở nên công bằng, hợp lý nhất về đạo đức và chính trị.

Chủ nghĩa pháp quyền hiện đại từ Fuller đến Raz đề cao các yêu cầu thủ tục và hình thức của pháp luật như điều kiện để quyền lực nhà nước bị ràng buộc, đồng thời bảo đảm khả năng dự báo và tự do hành động hợp pháp cho công dân. Thực tế cho thấy, không một trường phái nào có thể tự giải thích trọn vẹn những vấn đề pháp lý - chính trị phức tạp. Vì vậy, cách tiếp cận dung hòa được xem là hợp lý hơn: vừa sử dụng công cụ phân tích hiệu lực và thẩm quyền của chủ nghĩa thực chứng pháp lý, vừa đặt nó trong nền tảng giá trị về quyền con người và công lý của pháp luật tự nhiên; đồng thời vận dụng tư duy diễn giải để hệ thống pháp luật vận hành nhất quán và dựa trên quan điểm duy vật lịch sử để không tách rời pháp luật khỏi bối cảnh kinh tế - xã hội cụ thể.

4. Thực tiễn Việt Nam

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đặt nền móng cho Nhà nước Việt Nam mới “của dân, do dân, vì dân”. Hiến pháp 1960 thể hiện tinh thần dân chủ, đoàn kết dân tộc, đề cao quyền và tự do cơ bản trong bối cảnh bảo vệ chính quyền non trẻ. Pháp luật ở giai đoạn này mang tính thúc đẩy, huy động nguồn lực cho kháng chiến, đồng thời xây dựng những định chế nền tảng của nhà nước dân chủ nhân dân.

Sau thống nhất đất nước, Hiến pháp 1960 phản ánh mô hình quản lý tập trung bao cấp; pháp luật nhấn mạnh tính công hữu, kế hoạch hóa và tập trung quyền lực. Hệ thống pháp luật chủ yếu phục vụ quản trị theo mệnh lệnh hành chính, trong khi hiệu quả kinh tế xã hội hạn chế dẫn bộc lộ những điểm nghẽn về động lực, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Công cuộc Đổi mới từ năm 1986 mở ra quá trình thể chế hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khuyến khích đa dạng hình thức sở hữu, thúc đẩy tự do kinh doanh và hội nhập quốc tế. Hiến pháp 1992 lần đầu tiên hiến định nền kinh tế nhiều thành phần, quá trình lập pháp được mở rộng mạnh mẽ với hàng loạt bộ luật khung quan trọng như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp,

Luật Đầu tư, Luật Đất đai. Đến Hiến pháp 2013, hệ thống pháp luật tiến thêm một bước quan trọng khi đặt quyền con người và quyền công dân ở vị trí trung tâm, khẳng định nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp, đề cao tính tối cao của Hiến pháp, đồng thời mở rộng cơ chế bảo hiến, cải cách tư pháp và cơ chế bảo vệ công lý.

Từ năm 2013 đến nay, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng với các hiệp định thương mại thế hệ mới, hệ thống pháp luật Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tiệm cận chuẩn mực quốc tế về minh bạch, dự báo, thuận lợi hóa thương mại và bảo vệ nhà đầu tư song song với bảo đảm an sinh xã hội. Tuy nhiên, giai đoạn này cũng xuất hiện những thách thức mới như xung đột giữa tốc độ đổi mới công nghệ và chu kỳ lập pháp, yêu cầu cân bằng giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng với thúc đẩy kinh tế số, tình trạng chồng chéo và không thống nhất giữa các đạo luật ngành, hạn chế trong chất lượng đánh giá tác động chính sách và nhu cầu tăng cường năng lực giải thích, áp dụng thống nhất pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành.

5. Một số vấn đề đặt ra trong lý luận và thực tiễn

Một nhà nước pháp quyền không chỉ được xác lập bởi số lượng các văn bản pháp luật, quan trọng hơn bởi chất lượng và cách thức xây dựng, ban hành và thực pháp luật theo những chuẩn mực hợp hiến, hợp pháp và hợp lý. Quy phạm pháp luật phải công khai, rõ ràng, ổn định tương đối, nhất quán, khả thi và được áp dụng bình đẳng; đồng thời, quyền lực nhà nước phải bị ràng buộc bởi Hiến pháp và pháp luật thông qua cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát và trách nhiệm giải trình. Tư pháp phải độc lập, xét xử chỉ tuân theo pháp luật; các quyền con người và quyền công dân phải được bảo đảm bằng nội dung và thủ tục. Ở góc độ lý luận, những tiêu chí này phù hợp với nguyên tắc “đạo đức của pháp luật” mà Fuller (1964) và các luận điểm về tính trị vì của pháp luật mà Raz (1977) đã nêu.

Việc hiến định và bảo đảm hiệu quả các quyền và tự do cơ bản là thước đo tính chính đáng của quyền lực nhà nước. Lý luận hiện đại nhấn mạnh pháp quyền và quyền con người có mối quan hệ nội hàm với nhau: pháp quyền không có nội dung, quyền con người chỉ là thủ tục trống rỗng, trong khi quyền con người không được đặt trong khung khổ pháp quyền sẽ thiếu cơ chế bảo đảm thực thi. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo hiến, tăng cường giám sát tư pháp, mở rộng tiếp cận công lý, trợ giúp pháp lý, công khai dữ liệu và bảo đảm thủ tục công bằng trong quá trình quản lý nhà nước.

Chất lượng hoạt động lập pháp và hiệu quả thực thi pháp luật là những vấn đề có ý nghĩa trọng yếu trên phương diện lý luận và thực tiễn. Một văn bản quy phạm pháp luật được coi là tốt khi được xây dựng dựa trên bằng chứng rõ ràng, có đánh giá đầy đủ về tác động, sử dụng ngôn ngữ chính xác, áp dụng kỹ thuật lập pháp thống nhất, bảo đảm khả năng thực thi và sự phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, nếu thiếu thiết chế thực thi hiệu quả, không có văn hóa tuân thủ và cơ chế giám sát nghiêm minh, pháp luật dễ bị “vô hiệu hóa” trong thực tế. Do đó, nghiên cứu Lý luận Nhà nước và pháp luật cần song hành với khoa học quản trị công, quản lý rủi ro và đạo đức công vụ để biến các quy phạm thành hành động và kết quả xã hội cụ thể.

Một khía cạnh quan trọng khác là việc diễn giải và áp dụng pháp luật một cách thống nhất. Trong bối cảnh hệ thống pháp luật ngày càng phức tạp, diễn giải chính xác, đồng bộ giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm tính dự báo và sự bình đẳng trước pháp luật. Việc tiếp cận pháp luật thông qua nguyên tắc, tiền lệ, mục đích giúp khắc phục những giới hạn của ngôn ngữ văn bản và đòi hỏi một nền tư pháp độc lập. Từ đây có thể thấy, Việt Nam cần tiếp tục mở rộng công khai án lệ, phát triển cơ sở dữ liệu pháp luật, ứng dụng công nghệ số trong phân tích, tra cứu để nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của hệ thống pháp luật.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, công nghệ và

dữ liệu vừa tạo cơ hội, vừa đặt ra thách thức cho pháp quyền. Các nền tảng số, chữ ký điện tử, tố tụng trực tuyến và trí tuệ nhân tạo có thể nâng cao minh bạch, hiệu quả và khả năng tiếp cận pháp luật. Đồng thời cũng đặt ra nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, thiên lệch thuật toán và rủi ro về an ninh dữ liệu, buộc pháp luật phải phát triển linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo chắc chắn. Điều này đòi hỏi Lý luận Nhà nước và pháp luật phải tích hợp thêm công cụ phân tích mới, kết hợp chuẩn mực pháp quyền với đạo đức số và quản trị dữ liệu trong kỷ nguyên số.

6. Khuyến nghị cho Việt Nam

Từ những phân tích trên, có thể rút ra một số giải pháp quan trọng để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện cơ sở hiến định của Nhà nước pháp quyền theo hướng củng cố tính tối cao của Hiến pháp, tăng cường cơ chế bảo hiến, làm rõ và thực thi nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát xung đột lợi ích trong bộ máy công quyền.

Thứ hai, nâng cao chất lượng lập pháp bằng quy trình chính sách dựa trên bằng chứng, đánh giá tác động đầy đủ, thiết kế cơ chế thực thi ngay từ khâu soạn thảo, chú trọng tính rõ ràng, dễ hiểu, khả thi của quy phạm; thống nhất kỹ thuật lập pháp và tăng tính ổn định tương đối, hạn chế sửa đổi manh mún.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách tư pháp theo hướng xây dựng nền tư pháp liên chính và chuyên nghiệp, bảo đảm nguyên tắc xét xử độc lập; mở rộng việc công khai bản án, quyết định tư pháp và phát triển án lệ; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư; tăng cường trợ giúp pháp lý để mọi công dân đều có cơ hội tiếp cận công lý bình đẳng.

Thứ tư, hiện đại hóa nền hành chính công trên cơ sở chuyển đổi số và quản trị dữ liệu, thông qua việc xây dựng các nền tảng số thống nhất và thực hiện nguyên tắc dữ liệu mở, ban hành cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm an ninh mạng. Bên

cạnh đó, cần áp dụng các chuẩn mực “đạo đức của pháp luật” vào quy trình hành chính nhằm hạn chế sự tùy tiện và giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ năm, cần đẩy mạnh giáo dục pháp luật và xây dựng văn hóa tôn trọng pháp luật trong xã hội. Đồng thời, gắn kết Lý luận về Nhà nước và pháp luật với giáo dục công dân, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm doanh nghiệp. Khuyến khích nghiên cứu liên ngành, ứng dụng phân tích định lượng và khoa học dữ liệu để đánh giá tác động của chính sách và hiệu quả thi hành pháp luật.

Thứ sáu, chủ động hội nhập pháp lý quốc tế, nội luật hóa có chọn lọc các chuẩn mực tốt, kết nối khuôn khổ pháp luật trong nước với cam kết quốc tế, đồng thời bảo đảm phù hợp điều kiện chính trị - kinh tế - xã hội và bản sắc văn hóa - pháp lý Việt Nam.

7. Kết luận

Lý luận Nhà nước và pháp luật là nền tảng khoa học pháp lý để hiểu, kiểm soát quyền lực và bảo vệ quyền con người. Đối với Việt Nam, tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa sau Đổi mới, đặc biệt từ Hiến pháp 2013 đến nay cho thấy nỗ lực bền bỉ trong việc thể chế hóa các giá trị pháp quyền, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp và hiện đại hóa nền hành chính quốc gia. Tuy vậy, những thách thức về chất lượng lập pháp, tính thống nhất áp dụng, hiệu lực thi hành, kiểm soát quyền lực và cân bằng giữa phát triển, an ninh, tự do cá nhân vẫn đòi hỏi sự đổi mới không ngừng trong tư duy lý luận và thực hành thể chế. Một nền pháp quyền thực chất chỉ có thể hình thành khi luật pháp trở thành chuẩn mực chung, thể chế vận hành minh bạch, quyền lực được kiểm soát và công lý gắn liền với đạo đức công vụ. Trong bối cảnh kỷ nguyên số và hội nhập sâu rộng, pháp luật chỉ thực sự trở thành nền tảng của quản trị khi các quy phạm được xây dựng rõ ràng, có khả năng dự báo và duy trì sự ổn định. Khi đó, quyền lực nhà nước được thực hiện đúng đắn và quyền con người, quyền công dân được bảo đảm thiết thực ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Hồ Chí Minh (2000). Toàn tập (Tập 4). NXB Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Đăng Dung (2018). Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Võ Khánh Vinh (2012). Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật. NXB Công an Nhân dân.
- Fuller, L. (1964). The Morality of Law. Yale University Press.
- Kelsen, H. (1945). General Theory of Law and State. Harvard University Press.
- Mác, C., & Ăngghen, Ph. (1960). Tuyển tập (Tập 1). NXB Sự thật.

Ngày nhận bài: 25/6/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/7/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/7/2025

THEORY OF STATE AND LAW: THEORETICAL BASIS, APPROACHES AND PRACTICE IN VIETNAM

● **LE PHUONG THAO**
Hong Duc University

ABSTRACT:

This study highlights the Theory of State and Law as a foundational discipline that plays a crucial role in shaping the legal system. Through an analysis of key theoretical components, including concepts, scope, methods, origins, nature, functions, and roles of the State and law, the study connects these foundations to the practical process of building a socialist rule-of-law state in Vietnam from 1945 to the present. The study further clarifies Vietnam's achievements and ongoing challenges in legislation, executive governance, judicial reform, and human rights protection. Based on these insights, the study proposes several recommendations to enhance theoretical frameworks and institutional development in the context of digital transformation and globalization.

Keywords: the theory of State and Law, rule-of-law state, legal positivism, natural law, Vietnam.